

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2023

V/v tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tám.

2. Ông Huỳnh Ngọc Trứ.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Lê Lộc - là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc “Xin ly hôn, nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1978; (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố C, Phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Chị Đặng Thị Tuyết M, sinh năm 1981; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố C, Phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, tờ khai đề ngày 20/02/2023, biên bản hòa giải, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị Đặng Thị Tuyết M chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/4/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 55, quyền số 01 ngày 04/4/2007. Quá trình vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh và chị M không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi, không có tiếng nói chung trong gia đình. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm để chăm lo cho nhau nhưng đến

nay vẫn không hạnh phúc, hiện vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 8 năm 2022. Nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án xử cho ly hôn với chị Đặng Thị Tuyết M.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 17/01/2008, hiện nay cháu T đang sống với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn chị Đặng Thị Tuyết M, từ khi thụ lý vụ án và quá trình hòa giải, kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và tham dự phiên tòa sơ thẩm dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng chị M vắng mặt.*

- Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Nguyễn Văn N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như nội dung đơn yêu cầu.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung với chị Đặng Thị Tuyết M, căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”.

[2] Về thẩm quyền: Xét thấy chị Đặng Thị Tuyết M có địa chỉ: **Khu phố C, Phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**, theo quy định tại khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập lần thứ 02 họp lệ nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn, vào ngày 04/4/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 55, quyển số 01 ngày 04/4/2007. Quá trình vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh và chị M không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi, không có tiếng nói chung trong gia đình. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm để chăm lo cho nhau nhưng đến nay vẫn không hạnh phúc, hiện vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 8 năm 2022 và chị M đã bỏ nhà đi, Anh N một mình chăm sóc và nuôi dạy con chung, chị M cũng không về thăm hay chăm sóc con. Cho thấy Anh N, chị M phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, không còn chung sống với nhau, không thể hàn gắn hôn nhân. Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm gia đình không còn, gia đình và vợ chồng

không hòa giải hàn gắn được nên cần chấp nhận theo yêu cầu của Anh N cho Anh N được ly hôn với chị M.

[5] Về con chung: Anh N và Chị M có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 17/01/2008, hiện nay cháu T đang sống với Anh N. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Nhận thấy, hiện tại cháu T con chung của Anh N, chị M đang sống chung với Anh N, chị Mai cũng không đến chăm sóc nuôi dưỡng, để cho cháu T có cuộc sống ổn định, không thay đổi môi trường sống và chị M cũng không có ý kiến gì về yêu cầu của Anh N. Hội đồng xét thấy cần để Anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, ghi nhận sự tự nguyện của Anh N không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Anh N khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Anh N khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh N xin ly hôn với chị M và giao Anh N nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 17/01/2008.

[9] Về án phí: Anh N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn N.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn với chị Đặng Thị Tuyết M.

- Về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 17/01/2008, hiện cháu T đang sống với Anh N. Ghi nhận việc Anh N không yêu cầu Chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N, chị M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác

- Về nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018419 ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Xem như Anh N đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị M được quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã C;
- CCTHADS thị xã C.
- Phòng Tư pháp thị xã C;
- UBND Phường 2;
- Đương sự
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp